

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** Phòng B1.202**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 8/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0057	Nguyễn Đức Anh	27/11/1997				
2	TA0058	Lường Tùng Dương	20/12/1997				
3	TA0059	Nguyễn Đoàn Hà An	27/01/1998				
4	TA0060	Nguyễn Thu Huyền	26/04/1998				
5	TA0061	Nguyễn Thu Hường	10/06/1998				
6	TA0062	Nguyễn Xuân Duy	20/09/1998				
7	TA0063	Tạ Phương Nam	19/11/1998				
8	TA0064	Nông Minh Hiếu	27/05/1995				
9	TA0065	Đào Tiến Lâm	05/11/1998				
10	TA0066	Hoàng Thanh Tùng	27/10/1995				
11	TA0067	Lê Anh Tuấn	06/02/1998				
12	TA0068	Nguyễn Văn Quyết	01/12/1997				
13	TA0069	Phạm Lê Thành Long	07/04/1997				
14	TA0070	Cao Minh Tiến	29/04/1997				
15	TA0071	Nguyễn Đức Cường	26/04/1997				
16	TA0072	Lê Đức Anh	03/10/1998				
17	TA0073	Nguyễn Thị Hà Thu	05/10/1997				
18	TA0074	Đặng Minh Tâm	27/12/1999				
19	TA0075	Nguyễn Thị Huyền	09/05/1997				
20	TA0076	Hoàng Thị Hồng Anh	08/03/1998				
21	TA0077	Trần Nguyễn Thu Trang	23/06/1998				
22	TA0078	Hoàng Trọng Đạt	19/05/1999				
23	TA0079	Lưu Minh Trang	07/04/1999				
24	TA0080	Nguyễn Công Khánh	12/5/1997				
25	TA0081	Trần Nhật Tân	13/10/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)